

Số: 03/TTr-HĐQT

Tân Thành, ngày 27 tháng 4 năm 2011

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP đầu tư và xây lắp khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2010.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí năm 2010 về việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH Delloite Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 của Công ty như chi tiết đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11/11/10

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Hữu Dương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2010)
Ông Lê Tiến Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2010)
Ông Đặng Đình Bình	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Minh	Thành viên
Ông Bùi Trường Định	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mậu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Khương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Mậu Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Số: 291 /2011/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 16. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đỗ Đình Tú Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tú
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍĐường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421.648.291.979	230.542.646.442
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	173.785.203.824	36.861.971.306
1. Tiền	111		42.567.372.521	8.861.971.306
2. Các khoản tương đương tiền	112		131.217.831.303	28.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	54.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	54.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.600.980.207	109.749.648.234
1. Phải thu khách hàng	131		128.872.470.554	134.223.990
2. Trả trước cho người bán	132		7.618.149.241	107.889.882.599
3. Các khoản phải thu khác	135		3.110.360.412	1.725.541.645
IV. Hàng tồn kho	140		104.083.881.620	20.846.007.843
1. Hàng tồn kho	141	6	104.083.881.620	20.846.007.843
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.178.226.328	9.085.019.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		444.052.848	1.645.598.182
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.633.830	4.946.265.421
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.607.539.650	2.493.155.456
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.105.019.997	84.078.525.377
I. Tài sản cố định	220		405.128.534.081	83.563.505.573
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	400.245.176.556	2.237.705.269
- Nguyên giá	222		407.000.076.970	2.501.731.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.754.900.414)	(264.025.983)
2. Tài sản cố định vô hình	227		113.788.066	9.561.737
- Nguyên giá	228		141.724.400	25.677.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.936.334)	(16.115.536)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	4.769.569.459	81.316.238.567
II. Tài sản dài hạn khác	260		18.976.485.916	515.019.804
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	14.991.431.163	462.295.734
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	3.985.054.753	52.724.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		845.753.311.976	314.621.171.819

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		616.666.462.784	215.260.394.597
I. Nợ ngắn hạn	310		357.559.858.953	37.544.853.553
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	69.232.271.236	-
2. Phải trả người bán	312		54.597.312.745	1.737.940.287
3. Người mua trả tiền trước	313		117.161.031.529	10.340.665.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	24.170.331.815	90.660.780
5. Phải trả người lao động	315		5.012.565.594	619.063.053
6. Chi phí phải trả	316		20.827.516.860	24.479.708.190
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	66.033.683.174	276.815.557
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		525.146.000	-
II. Nợ dài hạn	320		259.106.603.831	177.715.541.044
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	259.106.603.831	177.715.541.044
B. NGUỒN VỐN	400		229.086.849.192	99.360.777.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	229.086.849.192	99.360.777.222
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	665.455.785
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		867.921.163	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	420		18.368.928.029	(1.304.678.563)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		845.753.311.976	314.621.171.819



Nguyễn Mậu Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

(Handwritten signature)

Huyền Kim Quy
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010		2009	
1. Doanh thu thuần	10		329.867.897.400		-	
2. Giá vốn hàng bán	11		(281.344.922.060)		-	
3. Lợi nhuận gộp	20		48.522.975.340		-	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	13.459.468.984		3.950.578.084	
5. Chi phí tài chính	22	17	(15.046.987.645)		-	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(8.642.912.150)</i>		-	
6. Chi phí bán hàng	24		-		-	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(18.892.470.259)		(3.245.547.808)	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.042.986.420		705.030.276	
9. Thu nhập khác	31		587.993.328		303.579.400	
10. Chi phí khác	32		(179.599.035)		(2.340.230)	
11. Lợi nhuận khác	40	18	408.394.293		301.239.170	
12. Lợi nhuận trước thuế	50		28.451.380.713		1.006.269.446	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	(11.042.183.641)		-	
14. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	10	3.932.330.683		(251.567.362)	
15. Lợi nhuận sau thuế	60		21.341.527.755		754.702.084	
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	20	915		148	



Nguyễn Mậu Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Huỳnh Kim Quy
 Kế toán trưởng

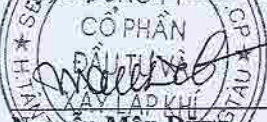
1872
 HÃNH
 NGTY
 EMHỮ
 ITI
 NA
 À NỘI
 HỒ C

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.451.380.713	1.006.269.446
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.515.035.757	182.447.422
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	5.919.375.075	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.121.387.655)	(3.935.230.884)
Chi phí lãi vay	06	8.642.912.150	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.407.316.040	(2.746.514.016)
Tăng các khoản phải thu	09	(24.892.163.724)	(16.280.610.353)
Tăng hàng tồn kho	10	(83.237.873.777)	(20.846.007.843)
Tăng các khoản phải trả	11	223.922.812.710	12.112.483.387
Tăng chi phí trả trước	12	(14.529.135.429)	(297.922.907)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.642.912.150)	(177.333.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(129.232.935)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(274.854.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	133.623.956.735	(28.235.905.065)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng	21	(312.675.516.262)	(157.684.014.675)
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	17.276.745	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(32.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay và mua công cụ nợ vào các đơn vị khác	24	54.000.000.000	3.950.578.084
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.403.556.352	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(251.254.683.165)	(186.333.436.591)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp từ cổ đông	31	109.850.000.000	74.960.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	161.146.655.519	176.085.282.082
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.430.727.690)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	254.565.927.829	251.045.282.082
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	136.935.201.399	36.475.940.426
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	36.861.971.306	386.030.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.968.881)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	173.785.203.824	36.861.971.306

Tiền chi mua tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản không bao gồm 2.651.484.990 đồng (Năm 2009: 25.371.084.929 đồng) là giá trị tài sản mua sắm và chi phí xây dựng phát sinh trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm của các khoản phải trả.



Nguyễn Mậu Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Handwritten signature of Huỳnh Kim Quy

Huỳnh Kim Quy
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 178 người (năm 2009: 56 người).

Hoạt động chính

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tài đường ống,
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ,
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công,
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí,
- Thi công các công trình xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	20
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 9
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm tài chính.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

187
HÀN
ST
MHC
IT
N
NỘ
OC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đào tạo nguồn nhân lực vận hành nhà máy bọc ống phát sinh trước khi Công ty đi vào hoạt động, thiết bị văn phòng, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	562.654.968	283.048.809
Tiền gửi ngân hàng	42.004.717.553	8.207.644.720
Tiền đang chuyển	-	371.277.777
Các khoản tương đương tiền	131.217.831.303	28.000.000.000
	<u>173.785.203.824</u>	<u>33.861.971.306</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền ủy thác quản lý vốn với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi với lãi suất từ 3% đến 11% một năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍĐường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Hàng đang đi đường	25.014.583.935	19.332.970.027
Nguyên vật liệu	53.424.524.193	661.922.042
Công cụ, dụng cụ	9.867.297.009	23.074.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.777.476.483	828.041.274
	<u>104.083.881.620</u>	<u>20.846.007.843</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	16.940.000	66.897.364	1.874.606.127	543.287.761	-	2.501.731.252
Tăng trong năm	143.441.400	4.007.243.787	5.108.367.910	512.733.280	30.000.000	9.801.786.377
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	118.769.036.459	261.640.572.082	13.902.417.590	401.473.210	-	394.713.499.341
Thanh lý (16.940.000)	(16.940.000)	-	-	-	-	(16.940.000)
Tại ngày 31/12/2010	<u>118.912.477.859</u>	<u>265.714.713.233</u>	<u>20.885.391.627</u>	<u>1.457.494.251</u>	<u>30.000.000</u>	<u>407.000.076.970</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	7.058.329	-	178.813.138	78.154.516	-	264.025.983
Khấu hao trong năm	1.979.483.941	3.205.728.064	1.023.978.168	282.909.256	5.833.331	6.497.932.760
Thanh lý (7.058.329)	(7.058.329)	-	-	-	-	(7.058.329)
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.979.483.941</u>	<u>3.205.728.064</u>	<u>1.202.791.306</u>	<u>361.063.772</u>	<u>5.833.331</u>	<u>6.754.900.414</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	<u>116.932.993.918</u>	<u>262.508.985.169</u>	<u>19.682.600.321</u>	<u>1.096.430.479</u>	<u>24.166.669</u>	<u>400.245.176.556</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>9.881.671</u>	<u>66.897.364</u>	<u>1.695.792.989</u>	<u>465.133.245</u>	<u>-</u>	<u>2.237.705.269</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định của Công ty bao gồm các tài sản liên quan đến nhà máy bọc ống đang được tạm ghi tăng nguyên giá với số tiền 394.713.499.341 đồng theo báo cáo quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản ngày 31 tháng 8 năm 2010. Nguyên giá và khấu hao của nhà máy bọc ống có thể thay đổi khi báo cáo quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng nguyên giá tài sản cố định của nhà máy bọc ống đã được ghi nhận không có chênh lệch đáng kể với giá trị sẽ được quyết toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư Dự án “nhà máy bọc ống tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	81.316.238.567	-
Tăng trong năm	334.150.354.370	81.316.238.567
Kết chuyển sang tài sản cố định	(394.713.499.341)	-
Kết chuyển khác	(15.983.524.137)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>4.769.569.459</u>	<u>81.316.238.567</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị nhà kho đang xây dựng, chưa hoàn thành và các chi phí của Ban Quản lý dự án nhà máy bọc ống đang chờ phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP KHÍ

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	462.295.734	-
Tăng	18.961.437.850	1.285.094.825
Kết chuyển vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(171.590.559)	(822.799.091)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.260.711.862)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.991.431.163</u>	<u>462.295.734</u>

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Lỗ mang sang VNĐ	Lợi nhuận chưa thực hiện VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	304.291.432	-	304.291.432
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	(251.567.362)	-	(251.567.362)
Tại ngày 31/12/2009	52.724.070	-	52.724.070
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	(52.724.070)	3.985.054.753	3.932.330.683
Tại ngày 31/12/2010	<u>-</u>	<u>3.985.054.753</u>	<u>3.985.054.753</u>

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn	1.451.189.805
Vay dài hạn đến hạn trả	67.781.081.431
	<u>69.232.271.236</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ. Các khoản vay này sẽ đáo hạn vào tháng 1 năm 2011. Các khoản vay này được đảm bảo 100% bằng tiền ký quỹ VNĐ tại ngân hàng và chịu lãi suất cố định 6,5%/năm.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	12.213.400.511	-
Thuế xuất, nhập khẩu	71.594	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.912.950.706	-
Thuế khác	1.043.909.004	90.660.780
	<u>24.170.331.815</u>	<u>90.660.780</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp khác thể hiện khoản doanh thu nhận trước cho các dự án đang thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Công ty ký hợp đồng vay dài hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền vay là 69.164.982.000 đồng và 15.383.000 Đô la Mỹ để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi với lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị đầu tư dự án này và tài sản cố định khác của Công ty làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay. Tại ngày kết thúc niên độ, tổng số tiền vay đã giải ngân là 60.620.548.543 đồng và 13.822.686 Đô la Mỹ và sẽ được hoàn trả sau 5 năm.

Tại ngày 23 tháng 8 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Phú Mỹ (BIDV Phú Mỹ) với số tiền 24.649.505.000 đồng. Khoản vay sẽ được trả hàng quý với thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 14,5%/năm và được thay đổi ba tháng một lần theo quy định của BIDV Phú Mỹ tại thời điểm thay đổi Công ty sử dụng tài sản cố định là khoản đảm bảo cho hợp đồng vay này (xem Thuyết minh số 7). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty giải ngân với số tiền 3.004.430.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	67.781.081.431	-
Trong năm thứ hai	64.776.651.431	67.781.081.431
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	194.329.952.400	109.934.459.613
	326.887.685.262	177.715.541.044
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(67.781.081.431)</u>	<u>-</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>259.106.603.831</u>	<u>177.715.541.044</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần được phép bán ra	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>20.000.000</u>	<u>10.000.000</u>

Chi tiết về cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.100.000	25,5	3.400.000	34
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	300	3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	1.150.000	5,75	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>10.200.000</u>	<u>51</u>	<u>5.100.000</u>	<u>51</u>



Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(1.007.921.103)	-	807.921.103	(800.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	<u>200.000.000.000</u>	<u>9.850.000.000</u>	<u>18.368.928.029</u>	<u>-</u>	<u>867.921.163</u>	<u>229.086.849.192</u>

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 10.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và các cổ đông chiến lược bên ngoài với giá bán bình quân lần lượt là 10.000 đồng và 12.000 đồng một cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100 tỷ lên 200 tỷ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 8 tháng 2 năm 2010. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.712.993.362	877.595.861
Lãi ủy thác quản lý vốn	-	3.072.982.223
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	5.746.475.622	-
	<u>13.459.468.984</u>	<u>3.950.578.084</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	8.642.912.150	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.919.375.075	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	484.700.420	-
	<u>15.046.987.645</u>	<u>-</u>

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu tiền từ cho thuê đất	-	296.079.400
Thu tiền từ thanh lý cáp điện	458.890.910	-
Tiền thu từ các hoạt động khác	129.102.418	7.500.000
Thu nhập khác	587.993.328	303.579.400
Chi phí khác	(179.599.035)	(2.340.230)
Lợi nhuận khác	<u>408.394.293</u>	<u>301.239.170</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	28.451.380.713	1.006.269.446
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(11.968.881)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.940.219.016	-
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh	44.379.630.848	1.006.269.446
Trừ: Chuyển lỗ từ các năm trước	(210.896.282)	(1.006.269.446)
Lợi nhuận tính thuế	44.168.734.566	-
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.042.183.641	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	21.341.527.755	754.702.084
Trừ:		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(800.000.000)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.932.330.683)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.609.197.072	754.702.084
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	18.145.724	5.096.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	915	148

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	1.855.336.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.421.344.000	7.032.872.000
Sau năm năm	77.924.112.000	36.629.541.667
	87.200.792.000	43.662.413.667

Khoản thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê được ký trong 48 năm, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Bán hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty tư vấn quản lý Dự án Khí	189.138.548.464	-



1875

1875

1875

1875

1875